

DIÊM VƯƠNG THẬP ĐIỆN

Tàn Mộng Tử

Trong cổ đại Trung Quốc vốn không có quan niệm về Diêm Ma () hay Diêm Vương (), nhưng sau khi Phật Giáo du nhập vào đất nước này, Diêm Vương được xem như là vị chủ thần của Địa Ngục và tín ngưỡng này bắt đầu lưu hành. Từ Diêm Ma, nguyên ngữ Sanskrit là *Yama*, âm dịch là Diêm Ma La Xã (), Diêm Ma La Xà (), Diêm La (), Viêm Ma (), Diêm Ma (), Diêm Ma (), Diêm Ma La (); ý dịch có nhiều nghĩa khác nhau như *trói bu c (trói t i nhân)*, *song th (n i th gian th ng ch u hai lo i qu báo vui và kh)*, *vua bình ng (tr ng ph t t i m t cách bình ng)*, *d t tr t i ác*, *ng n ch n tranh giành và ch m d t t i ác*. Tất cả những ý nghĩa trên đều nói lên trách nhiệm của vua Diêm Ma dưới Minh Phủ nhằm giám thị tội của chúng sanh và làm cho phải khiếp sợ khi làm điều ác. Theo thần thoại cổ đại Ấn Độ, Yama—vị thần của chánh pháp—cùng với Yamī là thần song sinh, là người chết đầu tiên của nhân loại; vì vậy sau này họ được xem như là tử thần và thống quản âm giới. Sau khi Phật Giáo có mặt tại Ấn Độ, vua Diêm Ma được xem như là chủ của cõi Ngạ Quỷ, vua quản lý thế giới Địa Ngục, thân của ác nghiệp chiêu cảm, hay hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát (), v.v. Trong Mật Giáo, vua Diêm Ma là một trong 12 vị trời của Ngoại Kim Cang Bộ thuộc Kim Cang Giới Mạn Trà La (), là vị thần của Ngoại Kim Cang Bộ thuộc Thai Tạng Giới Mạn Trà La (). Có một vài tục ngữ liên quan đến Diêm Vương như “*Diêm V ng b t t i gia, nghi p qu do tha náo (, Diêm V ng không nhà, qu con gây náo loạn)*”, có nghĩa là khi người chủ vắng mặt thì người cấp dưới lợi dụng cơ hội làm náo loạn; “*Diêm V ng h o ki n, ti u qu nan ng (, Diêm V ng d th y, qu con khó g p)*” hay “*Diêm V ng phán nh tam canh t , b t c l u nhân áo ng canh (, Diêm V ng phán ng i canh ba ch t, ch ng c gi ng i n canh n m)*”, v.v.

Thập Điện Diêm Vương (), còn gọi là Diêm Ma Thập Điện (), Diêm Vương Thập Điện (), Thập Điện Minh Vương (), Thập Điện Diêm La (), Thập Điện Tử Vương (). Nguyên lai chỉ có một vị Diêm Vương, nhưng sau khi Phật Giáo được truyền vào Trung Quốc, tín ngưỡng về Diêm

Vương có ảnh hưởng to lớn đối với hệ thống tín ngưỡng tôn giáo ở đây, trải qua nhiều biến hóa, Hán hóa sắc thái và cuối cùng quan niệm này trở thành Thập Điện Diêm Vương. Kinh điển ban đầu của Phật Giáo không có đề cập đến Thập Điện Diêm Vương. Tỷ dụ như theo Cẩm Độ Tam Muội Kinh (), Diêm Vương chỉ quản hạ 5 vị quan, gồm: Tiên Quan () chuyên ngăn cấm sát sanh, Thủy Quan () chuyên ngăn cấm trộm cắp, Thiết Quan () chuyên ngăn cấm tà dâm, Thổ Quan () chuyên ngăn cấm nói lời hai lưỡi và Thiên Quan () cấm việc uống rượu. Hơn nữa, trong Phật Tổ Thống Ký () quyển 33, bộ sử truyện nổi tiếng của Phật Giáo Trung Quốc, có ghi rằng: “*Trên i truy n t ng r ng Hòa Th ng o Minh () nhà ng th n du xu ng a Ph , th y có 15 h ng ng i thu c h (c a Diêm V ng), t ó l u truy n trên th gian.*” Như vậy, thuộc hạ của Diêm Vương đã biến thành 15 người. Danh hiệu của Thập Điện Diêm Vương xuất hiện đầu tiên trong Dự Tu Thập Ngũ Sanh Thất Kinh (), Diêm Vương Kinh (), v.v.

Căn cứ Ngọc Lịch Bảo Sao (), kỳ thư khuyến thiện trừng ác do Đạm Si () nhà Tống trước thuật, 10 ngôi điện do Linh Bảo Thập Phương Cứu Khổ Thiên Tôn () hóa thành, được 10 vị Diêm Ma cai quản, gồm:

(1) Tàn Quảng Vương (, *Qín-guàng*, hay Tàn Quảng Vương Tương []), còn gọi là Thái Tổ Diệu Quảng Chơn Quân (), cai quản ngôi điện thứ nhất, do Đông Phương Thiên Tôn () hóa thành, sống ở Huyền Minh Cung (), chịu trách nhiệm trông coi về sanh tử của con người và quản lý toàn bộ việc cát hung của cõi u minh, ngày sinh của ông là mùng 2 tháng 2 âm lịch. Quỷ Phán Quan của cõi này sống ngoài tảng đá Ốc Tiêu ([])¹ trong biển lớn. Hướng chánh Tây của điện này là con đường tối om dẫn đến Huỳnh Tuyền (); nếu người làm ác thì sau khi chết sẽ bị nhập vào đài cao bên phải của điện này tên là Nghiệt Kính Đài (); đài cao 1 trượng, treo hướng về phía Đông, phía trên có 7 chữ lớn “*Nghi t Kính ài ti n vô h o nhân (, Tr c Nghi t Kính ài không ng i t t)*”. Sau khi được chiếu soi ở Nghiệt Kính Đài xong, tội nhân sẽ được phê giải xuống ngôi điện thứ hai để chịu ngục hình thọ khổ tùy theo tội nặng hay nhẹ.

(2) Sở Giang Vương (, *Ch -ji ng*, hay Sở Giang Vương Lệ []), còn gọi là Âm Đức Định Hư Chơn Quân (), cai quản ngôi điện thứ hai, do Nam Phương Thiên Tôn () hóa thành, sống tại Phổ Minh Cung () dưới đáy biển sâu, chịu trách nhiệm trông coi Hoạt Đại Địa Ngục (, địa ngục sống

lâu), Hàn Băng Địa Ngục (, địa ngục băng lạnh) và Bác Y Đình (, nhà cõi áo) và 16 địa ngục bên dưới như Hắc Vân Sa (), Phần Niệu Nê (), Ngũ Xoa (), Cơ Ngạ (), Khát (), Nùng Huyết (), Đồng Phủ (), Đa Đồng Phủ (), Thiết Khải (), U Lượng (), Kê (), Hôi Hà (), Chúc Tiết (), Kiếm Diệp (), Hồ Lang (), Hàn Băng (). Ngày sinh của ông là mùng 3 tháng 3 âm lịch.

(3) Tống Đế Vương (, *Sòng-di*, hay Tống Đế Vương Dur []), còn gọi là Động Minh Phổ Tĩnh Chon Quân (), cai quản ngôi điện thứ ba, do Tây Phương Thiên Tôn () hóa thành, sống ở Trụ Tuyệt Cung (), chịu trách nhiệm trông coi Hắc Thằng Địa Ngục (s: *K las tra-naraka*, , địa ngục có sợi dây thừng đen). Những ai bị kiện tụng, không vâng lời các bậc trưởng thượng, không thương mạng dân, sĩ thứ thấy lợi mà quên nghĩa, chồng bất nghĩa, vợ không thuận, từng thọ ân huệ mà phụ bạc, nô bộc phản gia chủ, hay phạm tội vượt ngục, trốn quân dịch, v.v., sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục này. Ngày sinh của ông là mùng 8 tháng 2 âm lịch.

(4) Ngũ Quan Vương (, *W -gu n*, hay Ngũ Quan Vương Lữ []), còn gọi là Huyền Đức Ngũ Linh Chon Quân (), cai quản ngôi điện thứ tư, do Bắc Phương Thiên Tôn () hóa thành, sống ở Thái Hòa Cung (), chịu trách nhiệm trông coi Hợp Đại Địa Ngục (s: *Sa□g ta-naraka*, , địa ngục hợp lại thành to lớn) và Huyết Trì Địa Ngục (, địa ngục có hồ máu) cùng với 16 địa ngục nhỏ như Trì (), Mâu Liên Trúc Thiêm (), Phí Thang Kiêu Thủ (), Chương Bạ Lưu Dịch (), Đoạn Cân Dịch Cốt (), Yển Kiên Loát Bì (), Tỏa Phu (), Tồn Phong (), Thiết Y (), Mộc Thạch Thổ Ngõa (), Kiếm Nhãn (), Phi Hôi Tắc Khẩu (), Quán Dược (), Du Hoạt Diệt (), Thích Chủy (), Toái Thạch Mai Thân (). Những ai thường hay lừa dối sẽ bị đọa xuống địa ngục này; ngày sinh của ông là 18 tháng 2 âm lịch.

(5) Diêm Ma Vương (, *Yama-r ja*, *Yán-mó*, hay Diêm La Vương [], Diêm Ma Vương Thiên Tử Bao []), còn gọi là Tối Thánh Diệu Linh Chon Quân (), cai quản ngôi điện thứ năm, nguyên trước kia trông coi ngôi điện thứ nhất, nhưng vì đồng tình với tội nhân ở đó, nên bị chuyển xuống đây, do Đông Bắc Phương Thiên Tôn () hóa thành, sống ở Cú Luân Cung (), chịu trách

nhiệm trông coi Khiếu Hoán Địa Ngục (s: *Raurava-naraka*, , địa ngục la hét) và 16 địa ngục nhỏ khác; ngày sinh của ông là mồng 8 tháng giêng âm lịch.

(6) Biện Thành Vương (, *Biàn-chéng*, hay Biện Thành Vương Tất []), còn gọi là Bảo Túc Chiêu Thành Chon Quân (), cai quản ngôi điện thứ sáu, do Đông Nam Phương Thiên Tôn () hóa thành, sống ở Minh Thần Cung (), chịu trách nhiệm trông coi Đại Khiếu Hoán Địa Ngục (s: *Mah raurava-naraka*, , địa ngục la hét lớn) và Uông Tử Thành (, thành chết oan uổng) cũng như 16 địa ngục nhỏ khác như Thường Quy Thiết Sa (), Thi Nê Tả Thân (), Ma Tồi Lưu Huyết (), Kiểm Chủy (), Cát Thận Thử Giáo (), Cức Cương Hoàng Toản (), Đồi Đảo Nhục Tương (), Liệt Bì Kỵ Lô (), Hàm Hòa Bế Hầu (), Tang Hỏa Hồng (), Phấn Ô (), Ngưu Điều Mã Táo (), Phi Khiếu (), Đầu Thoát Xác (), Yêu Trảm (), Bác Bì Tuyên Thảo (). Những ai đã từng chửi mắng trời và hướng về phương Bắc mà tiểu tiện sẽ bị đọa xuống nơi này; ngày sinh của ông là mồng 8 tháng 3 âm lịch.

(7) Thái Sơn Vương (, *Tài-sh n*, hay Thái Sơn Vương Đông []), còn gọi là Thái Sơn Huyền Diệu Chon Quân (), cai quản ngôi điện thứ bảy, do Tây Nam Phương Thiên Tôn () hóa thành, sống ở Thần Hoa Cung (), chịu trách nhiệm trông coi Nhiệt Nảo Địa Ngục (s: *Tapana-naraka*, , địa ngục đau khổ vì nóng) và 16 địa ngục nhỏ khác như Tuất Tự Thôn (), Liệt Hung (), Dịch Thối Hỏa Bức (), Quyền Kháng Phát (), Khuyển Giáo Hinh Cốt (), Úc Thống Khốc Cầu (), Tắc Đánh Khai Ngạch (), Đánh Thạch Tồn Thân (), Đoan Bảo Thượng Hạ Trác Giáo (), Vụ Bì Trư Tha (), Điều Giáp Túc (), Bạt Thiệt Xuyên Tai (), Trừ Tràng (), Loa Đạp Miêu Tước (), Lạc Thủ Chỉ (), Du Phủ Cồn Phan (). Những ai chế thuốc từ xương người chết và xa lánh người thân sẽ bị đọa xuống nơi này; ngày sinh của ông là 27 tháng 3 âm lịch.

(8) Bình Đẳng Vương (, *Píng-d ng*, hay Đồi Đẳng Vương Lục []), còn gọi là Vô Thượng Chánh Độ Chon Quân (), cai quản ngôi điện thứ tám, do Tây Bắc Phương Thiên Tôn () hóa thành, sống ở Thất Phi Cung (), chịu trách nhiệm trông coi A Tỳ Địa Ngục (s: *Av ci-naraka*, , tức Địa Ngục Vô Gián) và 16 địa ngục nhỏ khác như Sao Cốt Chước Thân (), Trừ Cân

Lôi Cốt (), Nha Thục Tâm Can (), Cầu Thục Tràng Phế (), Thân Tiễn Nhiệt Du (), Nã Cô Bạt Thiệt Bạt Xi (), Thủ Nã Điền (), Chung Đầu Quát Nã (), Dương Súc Thành Diêm (), Mộc Giáp Đánh (), Ma Tâm (), Phí Thang Lâm Thân (), Hoàng Phong (), Hiết Câu (), Nghĩ Chú Ngao Đam (), Tử Xích Độc Xà Toàn (). Ngày sinh của ông là mồng 8 tháng 4 âm lịch.

(9) Đô Thị Vương (, *D u-shi*, hay Đô Chủ Vương Hoàng []), còn gọi là Phi Ma Diễn Hóa Chơn Quân (), cai quản ngôi điện thứ chín, do Thượng Phương Thiên Tôn () hóa thành, sống ở Bích Chơn Cung (), chịu trách nhiệm trông coi Đại Nhiệt Nã Địa Ngục (s: *Mah tapana-naraka*, địa ngục đau khổ vì nóng lớn) và 16 địa ngục nhỏ như Xa Băng (), Muộn Oa (), Toái Quả (), Khổng Tiểu (), Tiễn Chu (), Thường Thanh (), Đoạn Chi (), Chích Tùy (), Ba Tràng (), Phần (), Khai Sanh (), Quả Hung (), Phá Đảnh Khiêu Xi (), Cát (), Cương Xoa (). Ngày sinh của ông là mồng 1 tháng 4 âm lịch.

(10) Chuyển Luân Vương (, *Zhuàn-lún*, hay Chuyển Luân Vương Tiết []), còn gọi là Ngũ Linh Uy Đức Chơn Quân (), cai quản ngôi điện thứ mười, do Hạ Phương Thiên Tôn () hóa thành, sống ở Túc Anh Cung (); ngày sinh của ông là 17 tháng 4 âm lịch. Ông chuyên trông coi các hồn quỷ được áp giải đến từ các điện khác, phân biệt, quyết định tội phước nặng nhẹ của tội nhân, phân phát đi khắp các bộ châu, tìm đất và loại để cho vong hồn đầu thai. Ông còn có nhiệm vụ xem xét việc thiện ác của tội nhân để thông tri cho cấp trên, thẩm định thọ mạng ngắn dài cũng như tội phước thay đổi của tội nhân. Quá trình khảo tra rất nghiêm mật, cuối cùng mới cho tội nhân cầu vàng, cầu ngọc, cầu đá, cầu gỗ hay Cầu Nại Hà (, Nại Hà Kiêu) và chuyển tống lên cho đầu thai vào 6 đường. Nếu như ở trên đời làm các việc thiện, khi sanh ra sẽ được trời người kính ngưỡng; sau khi chết đi cũng được quỷ thần cung kính; lúc ấy tự thân Chuyển Luân Vương cũng thân hành dẫn các sứ thần đến nghinh đón. Cho nên dân gian có câu rằng: “*Tích thi n chi gia h u d khánh, tích b t thi n chi gia h u d ng* (, Nhà tích l y vi c thi n thì có nhi u i u t t p, nhà không tích l y vi c thi n thì có nhi u tai ng).”

Từ cuối thời nhà Đường trở đi, tín ngưỡng Thập Điện Diêm Vương trở nên thịnh hành. Thông thường, trong Miếu Thành Hoàng ở các địa phương có thiết lập Diêm

Vương Điện () để thờ Thập Điện Diêm Vương. Tại các tự viện Phật Giáo, hai bên phải trái của bàn thờ Địa Tạng Bồ Tát cũng có thờ Thập Điện Diêm Vương. Tín ngưỡng Thập Điện Diêm Vương cũng được du nhập vào Việt Nam và vẫn còn lưu hành cho đến ngày hôm nay. Như trong các lòng văn sớ dâng cúng cầu siêu, thường có đề cập đến Minh Vương (, tức Diêm Vương), Diêm Ma Thập Điện như: “*T lâm i T ng chi trai tu n, chánh tr khôn ph th p i n, Chuy n Luân Minh V ng án ti n trình quá (, Nay g p lúc tu n chay d p i T ng, úng vào i n th m i, xin trình tr c án Chuy n Luân Minh V ng)*”, hay “*Cung ph ng: Di n Nhiên i S, uy quang kh c áo kim tiêu; a T ng t tôn, th n l c i ch ng th d ; Diêm Ma Th p i n, chi u khai Th p Bát a Ng c chi môn; T H u Phán Quan, thiêu t n c ki p luân h i chi t ch; t L c o T Sanh chi vi m ng, khô m c phùng xuân; s c u huy n th t t chi s ng linh, ng ng giác ng n (*

, Cúi xin: Di n Nhiên i S, ánh sáng oai l c n êm nay; a T ng t bi, th n l c hi n bày vào t i n y. Diêm Ma M i i n, m M i Tám a ng c c a tung; Phán Quan ph i trái, t s ch h s luân h i muôn ki p; cho m ng nh c a B n Loài Sáu ng, cây khô g p xuân; khi n h ng linh c a c u huy n th t t , cùng lên b giác)”, v.v.

Phân chú thích:

1. **Ốc Tiêu** ([]): tên gọi một tảng đá rất to lớn hút nước mà trong Cựu Hoa Nghiêm Kinh () quyển 59 có đề cập đến, do vì nó to lớn như núi nên được gọi là Ốc Tiêu Sơn (). Dưới núi này có hỏa khí của A Tỳ Địa Ngục (s: *Av ci-naraka,*) bốc lên ngùn ngụt cho nên nó thường nóng bức. Như trong Kim Cang Tam Muội Bản Tánh Thanh Tịnh Bất Hoại Bất Diệt Kinh () có đoạn rằng: “*Nh A N u i trì xu t t i hà, th t i hà phân vi bát hà, c p Diêm Phù nh t thi t chúng l u giai quy i h i; d c Tiêu S n c , i h i b t t ng, d Kim Cang Luân c , i h i b t gi m (, nh h l n A N u phân thành b n con sông l n, b n sông l n n y l i chia thành tám sông, chúng cùng v i t t c các sông cõi Diêm Phù u v bi n l n; vì núi c Tiêu n y mà bi n l n không t ng; và nh có vòng Kim Cang mà bi n l n không gi m)*”. Ngoài ra, còn có biển Ốc Tiêu, là nơi chúng sanh thọ khổ. Bên cạnh đó, trong kinh điển Phật Giáo thường dùng từ Ốc Tiêu để ví cho dục tình vô cùng vô tận của kẻ phàm phu ngu muội, cũng như sự nóng bức của viên đá này, khổ đau không có ngôn từ nào diễn đạt được. Đạo Giáo giải thích rõ về truyền thuyết, xuất xứ của núi Ốc Tiêu có phần hơi khác. Trong Cẩm Tú Vạn Hoa Cốc () có đoạn rằng: “*c Tiêu t i bích h i chi ông, h u th ch khoát t v n lí, h u t v n lý, c bách*

xuyên chi h , c h u danh V L ; S n H i Kinh Nghiêu th i, th p nh t tinh xu t, Nghiêu s Ngh